

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 3230/QĐ-ĐHKTQD ngày 28 tháng 12 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH: (PROGRAM)	CỬ NHÂN CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH (BACHELOR OF FINANCIAL TECHNOLOGY)
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: (LEVEL OF EDUCATION)	ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)
NGÀNH ĐÀO TẠO: (MAJOR)	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG BANKING AND FINANCE
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO: (CODE)	7340201 EP09
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: (TYPE OF EDUCATION)	CHÍNH QUY (FULL – TIME)
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO: (LANGUAGE)	TIẾNG ANH (ENGLISH)
THỜI GIAN ĐÀO TẠO (DURATION TIME)	04 NĂM (04 YEARS)

1. MỤC TIÊU

Chương trình đào tạo cử nhân Công nghệ Tài chính (FinTech), Ngành Tài chính Ngân hàng nhằm hướng tới đào tạo các cử nhân ngành Công nghệ Tài chính có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe tốt, và có trách nhiệm xã hội. Cử nhân công nghệ tài chính có khả năng nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, trong đó có áp dụng công nghệ để cải thiện các hoạt động tài chính; Có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về công nghệ, đặc biệt là việc áp dụng công nghệ đó vào các hoạt động tài chính nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức hoặc tạo mới các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp hướng tới tăng trải nghiệm của khách hàng, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả vận hành của các định chế tài chính; Có tư duy độc lập, có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc, đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0 và quá trình mở cửa hội nhập nền kinh tế số toàn cầu.

Cử nhân Công nghệ Tài chính được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh trong thời đại kinh tế số; Có kiến thức chuyên sâu về áp

dụng công nghệ cho các hoạt động tài chính liên quan; Có khả năng hiểu và vận dụng kiến thức liên quan đến phương pháp, mô hình, công cụ số đang được áp dụng trong lĩnh vực kinh tế, tài chính ngân hàng và quản trị kinh doanh; Có khả năng hiểu và vận dụng các kiến thức về tài chính, hoạt động ngân hàng, hoạt động đầu tư, phương pháp định lượng và ứng dụng công nghệ thông tin để phân tích và ra quyết định và thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn tài chính ngân hàng tại tổ chức tài chính trung gian và doanh nghiệp; Có khả năng thích ứng nhanh trong môi trường đổi mới, sáng tạo và hội nhập quốc tế.

Cử nhân Công nghệ Tài chính có kỹ năng áp dụng các lý thuyết, phương pháp, mô hình, công cụ định tính và định lượng trong lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng để phân tích và ra quyết định; Có kỹ năng cần thiết trong việc áp dụng để phân tích định lượng; Sử dụng các phần mềm/ứng dụng toán và thống kê để xử lý, phân tích và quản lý dữ liệu tài chính; Sử dụng các phần mềm/ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của ngân hàng, trung gian tài chính, thị trường tài chính và doanh nghiệp; Có kỹ năng phát triển các mô hình kinh doanh và dịch vụ tài chính mang tính đổi mới sáng tạo của kinh tế số và nền kinh tế nói chung.

Cử nhân Công nghệ tài chính có khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về nghiệp vụ tài chính – ngân hàng; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô tổ - nhóm, dự án công tác.

Cử nhân Công nghệ tài chính sau khi tốt nghiệp có thể đáp ứng được các đòi hỏi chuyên môn ở các vị trí tại các cơ quan quản lý nhà nước về Tài chính, Ngân hàng từ Trung ương đến địa phương, trong nước và quốc tế có sử dụng công nghệ thông tin trong vận hành hoạt động và cung ứng sản phẩm, dịch vụ như: Tổng cục Thuế, Kho bạc, UBCK NN, Bộ Tài chính, các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế, các doanh nghiệp, các tập đoàn đa quốc gia về công nghệ, các tổ chức tài chính phi ngân hàng, các start-ups trong lĩnh vực công nghệ tài chính;

Cử nhân Công nghệ tài chính có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc cao hơn tại nước ngoài và các cơ sở đào tạo chất lượng cao tại Việt Nam và nước ngoài trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng nói chung, và Tài chính công nghệ nói riêng, cũng như các lĩnh vực kinh tế số có liên quan khác.

Cử nhân tốt nghiệp Cử nhân Công nghệ tài chính đạt chuẩn đầu ra theo các quyết định của Trường đại học Kinh tế quốc dân.

2. CHUẨN ĐẦU RA

Chuẩn đầu ra	Mô tả	Mã CĐR
Chuẩn đầu ra về kiến thức	Hiểu biết về thế giới quan và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Đảng Cộng sản Việt Nam, và tư tưởng Hồ Chí Minh.	PLO 1
	Kiến thức chung về lĩnh vực tài chính ngân hàng, kiến thức pháp luật về hoạt động tài chính ngân hàng	PLO 2
	Kiến thức cơ bản và chuyên sâu về áp dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính ngân hàng	PLO 3
	Kiến thức hướng tới tư duy sáng tạo và khả năng thích nghi với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự phát triển nền kinh tế số và tiến trình hội nhập kinh tế.	PLO 4
	Vận dụng các mô hình toán và các phần mềm công nghệ trong lĩnh vực tài chính ngân hàng để đưa ra giải pháp thực tế.	PLO 5
Chuẩn đầu ra về kỹ năng	Có các kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm năng động và đa dạng; các kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, viết báo cáo và thuyết trình chuyên môn liên quan tới chiến lược, kế hoạch và thực thi các mảng hoạt động; có đủ kiến thức về giáo dục thể chất và quốc phòng theo yêu cầu.	PLO 6
CĐR Tin học	Chuẩn đầu ra tin học (chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ICLD) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	PLO 7
CĐR Ngoại ngữ	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	PLO 8
Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.	PLO 9
	Có năng lực tự học tập, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.	PLO 10

Chuẩn đầu ra	Mô tả	Mã CDR
	Có năng lực lập các kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.	PLO 11

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy chế tuyển sinh, đề án tuyển sinh đại học của Trường đại học Kinh tế quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Theo quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT và của Trường đại học Kinh tế quốc dân

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1. Cấu trúc cơ bản

Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	50	
1.1. Các học phần chung	26	Lý luận chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của Lĩnh vực
2. Kiến thức ngành	80	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	12	4 học phần chung của nhóm ngành
2.2. Kiến thức ngành	22	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	16	
2.2.2. Các học phần tự chọn	6	SV tự chọn 6 tín chỉ (4 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	36	SV tự chọn 6 tín chỉ (4 học phần)
2.4. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	130	Không kể GDQP&AN và GDTC

7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi học kỳ 12 - 18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Chương trình Công nghệ tài chính) (BFT)		MÃ HP	SỐ TC	Học kỳ (Dự kiến)	Mã HP Tiên quyết	Ngôn ngữ giảng dạy
Tổng số tín chỉ				130			
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				50			
1.1. Các học phần chung				26			
1	1	Triết học Mác - Lênin Phylosophy of Maxism-Leninism	LLNL1105	3	I		Tiếng Việt
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political economics of Maxism- Leninism	LLNL1106	2	I	LLNL1105	Tiếng Việt
3	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	II	LLNL1105	Tiếng Việt
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	LLDL1102	2	II	LLNL1105	Tiếng Việt
5	5	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	LLNL1107	2	I	LLNL1105	Tiếng Việt
6	6.1	Tiếng Anh căn bản General English	EP09.NNKC 1140	5	I		Tiếng Anh
	6.2	Tiếng Anh kinh doanh Business English	EP09.NNKC 1141	5	II		Tiếng Anh
	6.3	Tiếng Anh học thuật Academic English	EP09.NNKC 1142	5	III		Tiếng Anh
		Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC	4			Tiếng Việt
		Giáo dục quốc phòng và an ninh Military Education	GDQP	8			Tiếng Việt
1.2. Các học phần của Trường				12			
7	1	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	EP09.TOCB1 110	3	I		Tiếng Anh
8	2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Introduction to Statistics *	EP09.TOKT 1145	3	II		Tiếng Anh
9	3	Pháp luật đại cương Principles of Law	EP09.LUCS 1129	3	III		Tiếng Anh

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Chương trình Công nghệ tài chính) (BFT)		MÃ HP	SỐ TC	Học kỳ (Dự kiến)	Mã HP Tiên quyết	Ngôn ngữ giảng dạy
10	4	Tin học đại cương Introduction to ICT	EP09.TIKT1 109	3	II		Tiếng Anh
1.3. Các học phần của ngành				12			
11	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	EP09.KHMI 1101	3	I		Tiếng Anh
12	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics	EP09.KHM A1101	3	II		Tiếng Anh
13	3	Quản trị học Foundation of Management *	EP09.QTKD 1102	3	V		Tiếng Anh
14	4	Đổi mới sáng tạo Innovation & Creativity	EP09.NHQT1 125	3	VI		Tiếng Anh
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				80			
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				12			
15	1	Lý thuyết tài chính tiền tệ Financial Market and Institutions *	EP09.NHLT 1107	3	IV	EP09.KHMI 1101; KHMA1101	Tiếng Anh
16	2	Nguyên lý kế toán Principles of Accounting	EP09.KTKE 1101	3	III	EP09.KHMI 1101; KHMA1101	Tiếng Anh
17	3	Lập trình căn bản Computer Programming	EP09.CNTT 1186	3	III	EP09.KHMI 1101; KHMA1101	Tiếng Anh
18	4	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	EP09.TOKT 1101	3	IV	EP09.KHMI 1101; KHMA1101	Tiếng Anh
2.2. Kiến thức ngành				22			
2.2.1. Các học phần bắt buộc				16			
19	1	Thống kê ứng dụng trong tài chính Applied Statistics in Finance	EP09.TOKT 1161	2	IV		Tiếng Anh
20	2	Quản trị tài chính 1 Financial Management 1	EP09.NHTC 1122	3	IV	EP09.NHLT 1101	Tiếng Anh
21	3	Phân tích tài chính Financial Statement Analysis	EP09.NHTC 1108	2	V	EP09.NHLT 1101	Tiếng Anh
22	4	Quản trị tài chính 2 Financial Management 2	EP09.NHTC 1123	3	V	EP09.NHLT 1101	Tiếng Anh
23	5	Hệ thống thông tin quản lý IS & Decision Support in Finance	EP09.TIHT1 102	3	IV	EP09.TIKT1 109	Tiếng Anh
24	6	Quản lý và Phân tích dữ liệu tài chính (Introduction to Finance Data Management and Analytics)	EP09.NHTC1 125	3	V	EP09.CNTT 1186; EP09.TOKT 1101	Tiếng Anh

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Chương trình Công nghệ tài chính) (BFT)		MÃ HP	SỐ TC	Học kỳ (Dự kiến)	Mã HP Tiên quyết	Ngôn ngữ giảng dạy
2.2.2. Các học phần tự chọn (SV tự chọn 01 học phần trong mỗi tổ hợp)				6			
25	1	Toán rời rạc Discrete Mathematics	EP09.TOCB 1107	3	III		Tiếng Anh
		Kiến trúc máy tính Computer Architecture	EP09.CNTT 1112	3	III		Tiếng Anh
26	2	Quản trị khởi nghiệp Entrepreneurship	EP09.QTTH 1135	3	III		Tiếng Anh
		Marketing căn bản Principles of Marketing	EP09.MKM A1104	3	III		Tiếng Anh
2.3. Kiến thức chuyên sâu				36			
2.3.1 Các học phần bắt buộc				30			
27	1	Đầu tư tài chính Financial Investments	EP09.NHCK 1126	3	VII	EP09.NHLT 1101	Tiếng Anh
28	2	Hệ thống thanh toán Quốc tế International Payment System	EP09.NHQT 1124	3	VII	EP09.NHQT 1116	Tiếng Anh
29	3	Quản trị tài chính quốc tế International Financial Management	EP09.NHQT 1116	3	VI	EP09.NHLT 1101	Tiếng Anh
30	4	Quản trị Ngân hàng Thương mại Commercial Bank Management	EP09.NHTM 1125	3	V	EP09.NHLT 1101	Tiếng Anh
31	5	Căn bản về Fintech và thực thi Introduction to Financial Technology and Implementation	EP09.NHQT 1119	3	VI	EP09.TIKT1 109	Tiếng Anh
32	6	Ứng dụng phần mềm tài chính Application of Financial Software Package	EP09.CNTT 1191	3	IV	EP09.TOKT 1101	Tiếng Anh
33	7	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính Financial Big Data Analytics	EP09.TOKT 1164	3	VII	EP09.TOKT 1101	Tiếng Anh
34	8	Tài chính công ty đa quốc gia Multinational Business Finance	EP09.NHQT11 09	3	VII	EP09.NHQT 1116	Tiếng Anh
35	9	Thương mại điện tử E-Commerce	EP09.TMQT 1125	3	VII	EP09.NHLT 1101	Tiếng Anh
36	10	Giới thiệu ngôn ngữ R Introduction to R	EP09.TOKT 1149	3	V	EP09.TOKT 1101	Tiếng Anh
2.3.2. Các học phần tự chọn (Sinh viên chọn 03 học phần)				6			
37	1	Định chế tài chính và Quản trị rủi ro Financial Institution and Risk Management	EP09.NHTM 1130	2	VI	EP09.NHTC 1122	Tiếng Anh
38		2	Quản trị chiến lược Strategic Management	EP09. QTKD1103	2	VI	EP09.NHTC 1122
39							

b

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Chương trình Công nghệ tài chính) (BFT)		MÃ HP	SỐ TC	Học kỳ (Dự kiến)	Mã HP Tiên quyết	Ngôn ngữ giảng dạy
	3	Quản trị đầu tư danh mục Portfolio Management	EP09.NHCK 1120	2	VI	EP09.NHCK 1126	Tiếng Anh
	4	Thẩm định tài chính dự án Project Evaluation	EP09. NHTC1113	2	VI	EP09.NHTC 1122 EP09.NHTC 1108	Tiếng Anh
40	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>		EP09.1101	10	VIII		

8. Hướng dẫn thực hiện

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.
- Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.
- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.
- Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.
- Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.
- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

9. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra (CĐR)

Bảng 3. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra (CĐR)

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	CĐR về kiến thức					CĐR về kỹ năng			CĐR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm			
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	
1	Triết học Mác - Lênin Phylosophy of Maxism-Leninism	LLNL1105	3	3						3			3		
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political economics of Maxism-Leninism	LLNL1106	2	3						3			3		
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	3						3			3		
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	LLDL1102	2	3						3			3		
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	LLNL1107	2	3						3			3		
6	Tiếng Anh Cơ Bản General English	EP09.NNKC 1140	5		4					4		4		3	
7	Tiếng Anh Kinh doanh Business English	EP09.NNKC 1141	5		4					4		4		3	
8	Tiếng Anh học Học thuật Academic English	EP09.NNKC 1142	5		4					4		4		3	
	Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC	4												
	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8												

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	CDR về kiến thức					CDR về kỹ năng			CDR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
9	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	EP09.TOCB 1110	3				3	3	3	3			3	
10	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Introduction to Statistics *	EP09.TOKT 1145	3					3	3	3			3	
11	Pháp luật đại cương Principles of Law	EP09.LUCS 1129	3		3					3			3	
12	Tin học đại cương Introduction to ICT	EP09.TIKT1 109	3			3			3	3			3	
13	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	EP09.KHMI 1101	3				3	3	3	3			3	
14	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics	EP09.KHM A1101	3				3	3	3	3			3	
15	Quản trị học Foundation of Management *	EP09.QTKD 1102	3	3	3					3			3	
16	Đổi mới sáng tạo Innovation & Creativity	EP09.NHQT 1125	3				3		3		3		3	
17	Lý thuyết tài chính tiền tệ Financial Market and Institutions *	EP09.NHLT 1107	3		3		3		3		3		3	
18	Nguyên lý kế toán Principles of Accounting	EP09.KTKE 1101	3				3	3	3	3	3		3	
19	Lập trình căn bản Computer Programming	EP09.CNTT 1186	3				3	3	3	3			3	
20	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	EP09.TOKT 1101	3					3	3	3			3	

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	CĐR về kiến thức					CĐR về kỹ năng			CĐR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm			
				PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	
21	Thống kê ứng dụng trong tài chính Applied Statistics in Finance	EP09.TOKT 1161	2		3	3				3	3			3	
22	Quản trị tài chính 1 Financial Management 1	EP09.NHTC 1122	3		3	3	3			3				3	
23	Phân tích tài chính Financial Statement Analysis	EP09.NHTC 1108	2		3		3			3				3	
24	Quản trị tài chính 2 Financial Management 2	EP09.NHTC 1123	3		3		3			3				3	
25	Hệ thống thông tin quản lý IS & Decision Support in Finance *	EP09.TIHT1 102	3	3						3	3			3	
26	Quản lý và Phân tích dữ liệu tài chính Introduction to Data Management & Analytics	EP09.NHTC 1125	3			4	4	4		3	3			3	2
27	Toán rời rạc Discrete Mathematics	EP09.TOCB 1107	3			4				3	3			3	2
28	Kiến trúc máy tính Computer Architecture	EP09.CNTT 1112	3			4				4	3			3	2
29	Quản trị khởi nghiệp Entrepreneurship	EP09.QTTH 1135	3					3		3		3		3	2
30	Marketing căn bản Principles of Marketing	EP09.MKM A1104	3		3	3				3		3		3	
31	Đầu tư tài chính Financial Investments	EP09.NHCK 1126	3		3	3		3		3		3		3	2

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	CDR về kiến thức					CDR về kỹ năng			CDR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm			
				PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	
32	Hệ thống thanh toán Quốc tế International Payment System	EP09.NHQT 1124	3		3					3		3		3	2
33	Quản trị tài chính quốc tế International Financial Management	EP09.NHQT 1116	3		3	3		3		3		3		3	
34	Quản trị Ngân hàng Thương mại Commercial Bank Management	EP09.NHTM 1125	3		3					3		3		3	
35	Căn bản về Fintech và thực thi Introduction to Financial Technology and Implementation	EP09.NHQT 1119	3		3	3	3			3	3	3		3	2
36	Ứng dụng phần mềm tài chính Application of Financial Software Package	EP09.CNTT 1191	3		3	3	3	3		3	3			3	2
37	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính Financial Big Data Analytics	EP09.TOKT 1164	3		3	3	3	3		3	3			3	2
38	Tài chính công ty đa quốc gia Multinational Business Finance	EP09.NHQT1 109	3		3	3	3			3	3	3		3	2
39	Thương mại điện tử E-Commerce	EP09.TMQT 1125	3		3		3			3	3			3	
40	Giới thiệu ngôn ngữ R Ê Introduction to R	EP09.TOKT 1149	3							3	3			3	2
41	Định chế tài chính và Quản trị rủi ro Financial Institution and Risk Management	EP09.NHTM 1130	2		3	3		3		3	3			3	

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	CDR về kiến thức					CDR về kỹ năng			CDR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
42	Quản trị chiến lược Strategic Management	EP09.QTKD 1103	2		3	3	3		3				3	
43	Quản trị đầu tư danh mục Portfolio Management	EP09.NHCK 1120	2		3	3		3	3	3			3	
44	Thẩm định tài chính dự án Project Evaluation	EP09.NHTC 1113	2		3	3	3		3	3			3	
45	Khóa luận tốt nghiệp Graduation Thesis	EP09.1101	10	4	4	4	4		4	4	4	4	4	4
46	Chương trình đào tạo tin học theo chuẩn IC3 (hoặc MOS, ICDL)			3					4	4				3

10. Thời điểm điều chỉnh Chương trình đào tạo: tháng 12 năm 2022, áp dụng từ khóa K65 tuyển sinh năm 2023.

VIỆN TRƯỞNG

PGS.TS Hoàng Xuân Quế

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Phạm Hồng Chương